Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2022
V/v "*Ly hôn, t/c về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*: bà Nguyễn Ngọc Cúc và ông Nguyễn Ngọc Anh

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: ông Vũ Huy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Minh T, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số nhà 42/2, đường Lò Than, Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0833.xxxxxx

- *Bị đơn*: Chị Dương Thị Thu Th, sinh năm: 1994

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 42/2, đường Lò Than, Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T xin vắng mặt, chị Th vắng mặt do bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Th tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014, ngày 23/4/2014.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau đến tháng 8/2018 thì chị Th bỏ nhà đi cho đến nay không về. Anh đã nhiều lần tìm kiếm, đăng báo nhưng không có tin tức gì của chị Th nên anh đã làm thủ tục tuyên bố chị Th mất tích và đến ngày 21/5/2021 anh đã nhận được quyết định của Tòa án tuyên bố chị Th mất tích.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn xin ly hôn chị Th.

- Về con chung: anh và chị Th có 01 con chung tên Lê Hồng T, sinh ngày 03/9/2014. Hiện nay cháu Th do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Dương Thị Thu Th đã được Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng vì đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.*

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự: Nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn bị tuyên bố mất tích nên gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Anh T không còn tình cảm với chị Th nên xin ly hôn. Đề nghị cho anh T được ly hôn với chị Th. Về quan hệ con chung: anh T, chị Th có 01 con chung tên Lê Hồng T, sinh ngày 03/9/2014. Hiện nay cháu T do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, đề nghị giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con do đã bị tuyên bố mất tích; về quan hệ tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Cho đến khi mở phiên tòa, anh Lê Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt; chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do bị Tòa án tuyên bố mất tích. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Lê Minh T khởi kiện về việc ly hôn với chị Dương Thị Thu Th, nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 42/2, đường Lò Than, Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh Lê Minh T là nguyên đơn, chị Dương Thị Thu Th là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Minh T và chị Dương Thị Thu Th kết hôn với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014, ngày 23/4/2014. Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị Th có giá trị pháp lý. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện ngày 21/5/2021, chị Dương Thị Thu Th bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tuyên bố mất tích bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2021/QĐST-DS ngày 21/5/2021. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay anh T xin ly hôn. Căn cứ Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh Lê Minh T được ly hôn với chị Dương Thị Thu Th.

[4]. Về con chung: anh và chị Th có 01 con chung tên Lê Hồng T, sinh ngày 03/9/2014. Hiện nay cháu T do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T do anh T chăm sóc nuôi dưỡng từ khi chị Th bỏ nhà đi cho đến nay, nay chị Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên giao cháu T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có cơ sở.

[5]. Về tài sản chung: anh T không yêu cầu nên căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh Lê Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003765 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 85, 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Minh T được ly hôn chị Dương Thị Thu Th.

[2]. Về quan hệ con chung: anh T, chị Th có 01 con chung tên Lê Hồng T, sinh ngày 03/9/2014, đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, giao cháu T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Khi trở về, chị Th có quyền, nghĩa vụ trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi, đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: anh Lê Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003765 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: anh Lê Minh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Dương Thị Thu Th được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (04);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã Tân An, H.Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn